

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Kèm theo

BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc	02 – 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	07 – 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10
- Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc	11 - 47

MỤC LỤC

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc (gọi tắt là "Ban Lãnh đạo") Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu là Công ty được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 04 năm 2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng), tương đương 15.000.000 cổ phần (10.000 đồng/cổ phần).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Năng Tuyển	Thành viên
Ông Đào Nguyên Đăng	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Bình Phú	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Thành	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thành Luyện	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 30/05/2019)

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lưu Anh Tuấn	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 22/04/2019)
Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 23/04/2019)
Bà Đặng Thị Hà Nguyên	Thành viên
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22/04/2019)

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại : Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 30/06/2019.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản, thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa, phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

THAY MẶT BAN LÃNH ĐẠO
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Bình Phú

Số: 91/2019/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu, được lập ngày 29 tháng 08 năm 2019, được trình bày từ trang 07 đến trang 47 kèm theo bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT (TIẾP THEO)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5.7 – Chi phí trả trước, Công ty đang làm việc với các bộ phận có liên quan thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh để xác định phương án mà UBND tỉnh Quảng Ninh sẽ đền bù cho Công ty về các khoản chi phí đã thực hiện dự án. Trên cơ sở đó, Công ty sẽ quyết toán và phân chia chi phí thực hiện dự án này với các đối tác.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Dương Thị Thảo
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0162-2018-242-1

PKF
VIỆT
NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B01a- HN/DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		113.153.742.143	108.364.430.423
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	37.214.122.840	32.325.030.592
1. Tiền	111		29.214.122.840	24.325.030.592
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	8.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.9	15.200.000.000	11.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		15.200.000.000	11.500.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.970.638.318	49.046.356.645
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	11.423.192.843	12.255.829.085
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	4.581.051.188	4.010.280.486
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	6.911.251.142	6.911.251.142
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	26.421.138.117	27.234.990.904
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.365.994.972)	(1.365.994.972)
III. Hàng tồn kho	140	5.8	1.522.532.888	3.469.377.657
1. Hàng tồn kho	141		1.522.532.888	3.469.377.657
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.246.448.097	12.023.665.529
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	2.728.247.770	3.827.272.231
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.091.024.633	7.426.491.489
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	427.175.694	769.901.809
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		255.170.868.091	269.194.030.184
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		643.876.520	717.083.957
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	643.876.520	717.083.957
II. Tài sản cố định	220		149.973.351.791	159.553.375.659
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	142.548.949.416	152.113.144.396
- Nguyên giá	222		424.590.332.146	417.863.899.227
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(282.041.382.730)	(265.750.754.831)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	7.424.402.375	7.440.231.263
- Nguyên giá	228		7.561.097.914	7.561.097.914
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(136.695.539)	(120.866.651)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		158.500.000	6.557.299.919
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		158.500.000	6.557.299.919
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	73.265.175.360	76.548.534.811
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		17.690.175.360	20.973.534.811
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		55.575.000.000	55.575.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		31.129.964.420	25.817.735.838
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	28.505.373.415	24.643.869.753
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.624.591.005	1.173.866.085
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		368.324.610.234	377.558.460.607

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu số B01a- HN/DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		158.741.641.786	166.722.397.932
I. Nợ ngắn hạn	310		123.951.417.761	113.745.584.012
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	8.382.288.646	15.207.222.803
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		39.939.973	41.162.043
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	7.236.944.883	6.683.816.293
4. Phải trả người lao động	314		2.040.966.588	3.424.396.251
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	9.058.335.977	6.100.548.659
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.138.229.856	2.570.530.494
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	12.901.490.449	14.777.837.578
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	81.991.564.003	63.613.356.405
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.161.657.386	1.326.713.486
II. Nợ dài hạn	330		34.790.224.025	52.976.813.920
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	285.053.184
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	6.771.281.299	6.718.815.451
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	28.018.942.726	45.972.945.285
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		209.582.968.448	210.836.062.675
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	209.582.968.448	210.836.062.675
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		35.267.328.209	35.267.328.209
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.410.429.248	3.410.429.248
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.708.645.609	20.071.017.830
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19.988.381.830	71.302.275.541
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.279.736.221)	(51.231.257.711)
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.196.565.382	2.087.287.388
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		368.324.610.234	377.558.460.607

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Lương Thị Hà

Đào Nguyên Đặng

Trần Bình Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B02a- HN/DN

Kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

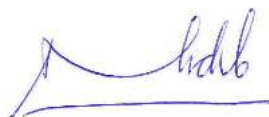
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		90.765.527.365	109.160.293.800
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	90.765.527.365	109.160.293.800
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	88.375.761.833	102.944.173.100
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.389.765.532	6.216.120.700
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	8.561.386.895	9.015.332.075
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.316.998.441	4.434.457.278
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.758.101.844	2.761.267.242
8. Lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		(3.283.359.451)	(3.831.955.835)
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.485.203.630	4.182.328.601
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.134.409.095)	2.782.711.061
11. Thu nhập khác	31	6.6	594.169.000	242.818.348
12. Chi phí khác	32	6.7	301.810.891	123.677.723
13. Lợi nhuận khác	40		292.358.109	119.140.625
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.842.050.986)	2.901.851.686
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	774.168.161	437.763.878
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.450.724.920)	698.923.139
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.165.494.227)	1.765.164.669
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(1.279.736.221)	1.669.348.099
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		114.241.994	95.816.570
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	(85,32)	111,29

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


Lương Thị Hà

Đào Nguyên Đặng

Trần Bình Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B03a- HN/DN

(theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

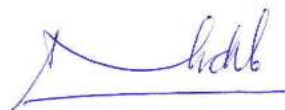
CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(1.842.050.986)	2.901.851.686
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	16.306.456.787	23.918.632.148
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	475.343.308	1.506.116.517
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.446.386.637)	(5.015.050.109)
Chi phí lãi vay	06	1.758.101.844	2.761.267.242
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	8.251.464.316	26.072.817.484
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	402.493.421	(6.022.011.079)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	1.946.844.769	(2.712.810.798)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp)	11	(10.558.665.562)	(1.372.596.078)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(2.762.479.201)	(5.112.676.634)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(1.410.102.539)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(628.742.528)	(424.357.475)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	190.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(165.056.100)	(527.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.514.140.885)	8.680.562.881
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(100.000.000)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(8.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	-	15.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.446.386.637	7.453.471.698
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.446.386.637	14.353.471.698
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(2.633.209.135)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(2.633.209.135)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.932.245.752	20.400.825.444
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	32.325.030.592	15.550.710.145
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(43.153.504)	78.544.328
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	37.214.122.840	36.030.079.917

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


Lương Thị Hà

Đào Nguyên Đăng

Trần Bình Phú

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu là Công ty được cổ phần hóa từ Công ty Vận tải và Thuê tàu theo Quyết định số 963/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 04 năm 2006 và Quyết định số 1944/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Hiện nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng), tương đương 15.000.000 cổ phần (10.000 đồng/cổ phần)

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là: kinh doanh cảng cạn (ICD), dịch vụ môi giới hàng hải, thuê tàu và cho thuê tàu.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- Kinh doanh cảng cạn (ICD);
- Dịch vụ môi giới hàng hải;
- Thuê tàu, cho thuê tàu, môi giới và các dịch vụ khác;
- Dịch vụ vận chuyển nhanh quốc tế (bao gồm các dịch vụ vận chuyển nhanh hàng nặng và hàng trên 31,5 kg, tài liệu khoa học kỹ thuật, chứng từ thương mại, vật phẩm, hàng mẫu, hàng hóa);
- Cung cấp các dịch vụ, nhu cầu về đời sống, vui chơi giải trí hành khách và thuyền viên (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Cung cấp cho tàu biển lương thực, thực phẩm, nước ngọt, vật tư, thiết bị, nhiên liệu, dầu nhớt, vật liệu chèn lót ngăn cách hàng;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Vận tải hàng hóa bằng đường biển;
- Dịch vụ thuế hải quan;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Cho thuê thuyền viên;
- Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận vận tải đường không, đường biển, đường bộ, container, kể cả giao nhận vận tải đa phương thức theo ủy thác của chủ tàu và chủ hàng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Bốc xúc, vận chuyển, san lấp mặt bằng phục vụ khai thác khoáng sản và phục vụ xây dựng;
- Cho thuê kho, bãi, văn phòng làm việc và nhà ở.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)**Cấu trúc doanh nghiệp:****Công ty có 03 đơn vị trực thuộc, 04 công ty con, 02 công ty liên kết và 2 công ty liên kết gián tiếp. Cụ thể:**

<u>Đơn vị trực thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Quảng Ninh	Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Hải Phòng	Số 35, đường Minh Khai, quận Hồng Bàng, Hải phòng	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu tại Hồ Chí Minh	Số 11, Nguyễn Công Trứ, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container, thuê tàu, vận tải đa phương thức

Tên Công ty con**Tỷ lệ sở hữu****Địa chỉ****Công ty Con đã đang hoạt động trong năm**

Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên	94,33%	Km24, Quốc lộ 5A, Vĩnh Khúc, Văn Giang, Hưng Yên
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Hải Phòng	100%	Số 35, đường Minh Khai, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Hà Nội	100%	74 Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
Công ty TNHH Một thành viên Vietfracht Thành phố Hồ Chí Minh	100%	Số 11, Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Tên Công ty liên kết**Tỷ lệ sở hữu****Địa chỉ**

Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht	25%	Số 29 – 31 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thành, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Heung – A Shipping Việt Nam	30%	Số 14 Trương Quyền, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Tên Công ty liên kết gián tiếp**Tỷ lệ sở hữu****Địa chỉ**

Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	20%	Số 101 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP Hồ Chí Minh
Công ty TNHH Hankyu – Hanshin Express Việt Nam	49%	Phòng 1, tầng 7 tòa nhà Đào Duy Anh, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu (Công ty mẹ), Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính của các công ty con sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Kho vận Vietfracht Hưng Yên, có loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

Công ty liên kết hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. KỲ TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty được lập cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Công ty thực hiện hạch toán tập trung tại Phòng Kế toán tài chính

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này:

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc thì ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phân ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
- Máy móc, thiết bị	05 - 07
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 15
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
- Tài sản cố định khác	04 - 05

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

4.6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

- | | |
|---------------------|----------------------|
| - Phần mềm kế toán | 03 - 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất | Không trích khấu hao |

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến kỳ tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí trả trước ngắn hạn của công ty là công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, phí bảo hiểm thuê tàu, tiền thuê đất và chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn của công ty là sửa chữa lớn, cấp Giấy chứng nhận tàu Thăng Long, sửa chữa lớn, cấp Giấy chứng nhận tàu Bluelotus, dự án nhà điều hành kho bãi chung chuyển khai thác hàng hóa và chi phí khác.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 02 đến 03 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

4.9. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ;

4.10. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh

4.11. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả phát sinh do mua hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ nhà cung cấp và được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng chưa có hoá đơn, hoặc chưa có đầy đủ hồ sơ tài liệu kế toán.

4.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Công ty chia cổ tức trên lợi nhuận của khu vực cổ phần hóa.

Các quỹ dự trữ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.13. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.14. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lãi chậm nộp cổ tức phần vốn nhà nước; dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

4.16. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 0% đối với các dịch vụ vận tải quốc tế và 10% với các dịch vụ khác.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm của khu vực đã Cổ phần hóa của Công ty. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

hường của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.18. Bù trừ các công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Chi tiết giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 7.4.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	201.491.085	209.080.646
Tiền gửi ngân hàng	29.012.631.755	24.115.949.946
Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	37.214.122.840	32.325.030.592

5.2. Phải thu khách hàng

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
CÔNG TY TNHH HÂN VIỆT GLOBAL LOGISTICS	1.948.224.025	-
CÔNG TY TNHH NOHHI (VIỆT NAM) LOGISTICS	1.376.825.889	1.946.768.220
- Các khoản phải thu khách hàng khác	8.098.142.929	10.309.060.865
Cộng	11.423.192.843	12.255.829.085

5.3. Trả trước cho người bán

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	605.000.000	605.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	882.748.175	882.748.175
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Phương Anh	525.000.000	525.000.000
Công ty TNHH NMSV	405.125.000	-
Các đối tượng khác	2.163.178.013	1.997.532.311
Cộng	4.581.051.188	4.010.280.486

5.4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
- Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Kim Ngọc (*)	6.911.251.142	6.911.251.142
Cộng	6.911.251.142	6.911.251.142

(*) Theo hợp đồng số 01/2017/HĐVV/VFR-KN và 02/2017/HĐVV/VFR-KN ngày 12/09/2017 và phụ lục hợp đồng số 01/2018/VFR-KN ngày 11/08/2018, tổng số tiền cho vay là 40 tỷ đồng, lãi suất 8%/năm, mục đích vay nhằm phục vụ nhu cầu tài chính. Khoản cho vay được đảm bảo bằng tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

5.5. Phải thu khác

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng VND	Giá trị	Dự phòng VND
a) Các khoản phải thu khác ngắn hạn	26.421.138.117	-	27.234.990.904	-
- Thuế các hãng tàu chưa được miễn giảm	5.229.333.970	-	5.229.333.970	-
- Dự thu lãi tiền cho vay	439.290.484	-	165.112.630	-
- Quản lý tàu	-	-	1.343.974.090	-
- Trả hộ hãng tàu các loại phí	15.120.330.980	-	15.010.672.086	-
- Tam ứng	947.616.323	-	1.437.370.739	-
- Phải thu khác	4.684.566.360	-	4.048.527.389	-
b) Dài hạn	643.876.520	-	717.083.957	-
- Kỳ cược, ký quỹ	586.941.000	-	584.941.000	-
- Phải thu khác	56.935.520	-	132.142.957	-
Cộng	27.065.014.637	-	27.952.074.861	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

5.6. Nợ Xấu

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên (100%)	1.365.994.972	-	(1.365.994.972)	1.365.994.972
Công ty Orion Hanel	174.560.896	-	(174.560.896)	174.560.896
Công ty TNHH Vận tải Biển Liên Hợp	40.792.800	-	(40.792.800)	40.792.800
Công ty Hong Myung	10.198.200	-	(10.198.200)	10.198.200
Công ty TNHH Nanokovi	29.574.780	-	(29.574.780)	29.574.780
Công ty Cổ phần An Xuyên	52.170.740	-	(52.170.740)	52.170.740
Chi nhánh Công ty TNHH Asian Groupage Services Việt Nam	99.279.512	-	(99.279.512)	99.279.512
Công ty TNHH Tiếp vận SAS Vũng Áng	414.021.020	-	(414.021.020)	414.021.020
Công ty Protonic Shipping	257.720.000	-	(257.720.000)	257.720.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Hải Bắc	214.450.000	-	(214.450.000)	214.450.000
Các công ty khác	73.227.024	-	(73.227.024)	73.227.024
Cộng	1.365.994.972	-	(1.365.994.972)	1.365.994.972
				(1.365.994.972)

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

5.7. Chi phí trả trước

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm tàu	1.058.688.355	1.070.543.714
Tiền thuê đất	519.562.994	-
Chi phí khác	1.149.996.421	2.756.728.517
Cộng	2.728.247.770	3.827.272.231
b) Dài hạn		
Chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng (*)	7.785.095.885	7.891.985.075
Sửa chữa lớn tàu Thăng Long	8.850.272.327	10.322.823.580
Sửa chữa lớn tàu Blue Lotus	7.465.089.097	60.408.147
Dự án nhà điều hành kho bãi chung chuyển khai khác hàng hóa (**)	4.148.999.072	4.139.671.998
Chi phí khác	255.917.034	2.228.980.953
Cộng	28.505.373.415	24.643.869.753

(*) Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn 49 năm (tiền thuê đất trả hàng năm) bao gồm các chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng của lô đất tại Km 24, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên theo Chứng thư thẩm định giá của Trung tâm Thẩm định giá Bộ Tài Chính.

(**) Dự án thực hiện theo thỏa thuận hợp tác đầu tư giữa Công ty, Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO và ông Lương Anh Khoa về việc hợp tác đầu tư dự án Nhà điều hành và kho bãi trung chuyển khai thác hàng hóa. Ngày 28/04/2017, UBND tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định số 1349/QĐ-UBND về việc chấm dứt hoạt động đầu tư dự án Nhà điều hành và kho bãi trung chuyển hàng hóa do Công ty Cổ phần Vận tải Vietfracht thực hiện. Ngày 29/09/2017, Công ty có biên bản làm việc với Trung tâm Phát triển Quỹ đất Thành phố Hạ Long và UBND tỉnh Quảng Ninh về việc xác định phương án chi trả chi phí thực hiện dự án. Đến thời điểm này, Công ty vẫn chưa nhận được quyết định của các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

5.8. Hàng tồn kho

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu	1.522.532.888	-	3.469.377.657	-
Cộng	1.522.532.888	-	3.469.377.657	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

5.9. Đầu tư tài chính

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.200.000.000	-	11.500.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	15.200.000.000	-	11.500.000.000	-
Cộng	15.200.000.000	-	11.500.000.000	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	17.690.175.360	(*)	20.973.534.811	(*)
+ Công ty TNHH Hankyu - Hanshin Express Việt Nam (1)	13.625.737.411	(*)	17.933.220.190	(*)
+ Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht (2)	2.110.793.583	(*)	1.697.601.612	(*)
+ Công ty TNHH Heung - A Shipping Việt Nam (3)	529.665.338	(*)	27.658.994	(*)
+ Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam (4)	1.423.979.028	(*)	1.315.054.015	(*)
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	55.575.000.000	(*)	55.575.000.000	(*)
+ Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình (5)	5.625.000.000	(*)	5.625.000.000	(*)
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà nội (6)	49.950.000.000	(*)	49.950.000.000	(*)
Cộng	73.265.175.360	(*)	76.548.534.811	(*)

Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm

(1): Công ty TNHH Hankyu - Hanshin Express Việt Nam thành lập và hoạt động tại Hà Nội với hoạt động kinh doanh chính là Vận tải hàng hóa đa phương thức, đại lý giao nhận. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Hankyu - Hanshin Express Việt Nam là 49%.

(2): Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht thành lập và hoạt động tại Hồ Chí Minh với hoạt động kinh doanh chính là Vận tải đa phương thức, đại lý vận tải biển, giao nhận. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht là 25%.

(3): Công ty TNHH Heung - A Shipping Việt Nam thành lập và hoạt động tại Hồ Chí Minh với hoạt động kinh doanh chính là Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Heung - A Shipping Việt Nam là 30%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

(4): Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam thành lập và hoạt động tại Hồ Chí Minh với hoạt động kinh doanh chính là Đại lý tàu biển, đại lý giao nhận, kinh doanh kho bãi container. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam là 20%.

(5): Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình thành lập và hoạt động tại Đồng Nai với hoạt động kinh doanh chính là Giao nhận và vận tải hàng hóa. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình là 2,3%.

(6): Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội thành lập và hoạt động tại Hà Nội với hoạt động kinh doanh chính là Bán buôn chuyên doanh. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kinh doanh Bất động sản Hà Nội là 3,7%.

(*) Xem tại phần thuyết minh giá trị hợp lý tại 7.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

5.10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2019	60.150.367.951	767.223.746	355.395.968.030	1.447.482.357	102.857.143	417.863.899.227
Mua trong kỳ	-	-	17.122.000	-	-	17.122.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	5.930.850.209	-	467.949.710	-	-	6.398.799.919
Tặng khác	-	310.511.000	-	-	-	310.511.000
Tại ngày 30/06/2019	66.081.218.160	1.077.734.746	355.881.039.740	1.447.482.357	102.857.143	424.590.332.146
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2019	30.258.168.369	767.223.746	233.207.690.232	1.414.815.341	102.857.143	265.750.754.831
Khấu hao trong kỳ	1.771.081.247	1.462.592	14.509.070.060	9.014.000	-	16.290.627.899
Tại ngày 30/06/2019	32.029.249.616	768.686.338	247.716.760.292	1.423.829.341	102.857.143	282.041.382.730
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2019	29.892.199.582	-	122.188.277.798	32.667.016	-	152.113.144.396
Tại ngày 30/06/2019	34.051.968.544	309.048.408	108.164.279.448	23.653.016	-	142.548.949.416

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 11.657.862.113 VND

Giá trị còn lại của Tài sản cố định mang đi cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược: 106.001.124.593 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

5.11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán, quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2019	7.355.097.914	206.000.000	7.561.097.914
Tại ngày 30/06/2019	7.355.097.914	206.000.000	7.561.097.914
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2019	-	120.866.651	120.866.651
Khấu hao trong năm	-	15.828.888	15.828.888
Tại ngày 30/06/2019		136.695.539	136.695.539
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2019	7.355.097.914	85.133.349	7.440.231.263
Tại ngày 30/06/2019	7.355.097.914	69.304.461	7.424.402.375

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:
52.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp /bù trừ trong kỳ VND	30/06/2019 VND
a. Các khoản phải thu				
- Thuế GTGT	229.713.679	-	229.713.679	-
- Thuế Xuất nhập khẩu	20.301.526	-	-	20.301.526
- Thuế TNDN	219.812.242	-	7.430.403	227.242.645
- Thuế TNCN	1.520.092	1.520.092	-	-
- Tiền thuế đất	297.725.747	631.173.048	512.250.301	178.803.000
- Các khoản phải nộp khác	828.523	-	-	828.523
Cộng	769.901.809	632.693.140	519.680.704	427.175.694
b. Các khoản phải trả				
- Thuế GTGT	514.005.439	4.698.289.743	4.621.165.939	591.129.243
- Thuế TNDN	358.069.752	546.903.043	628.742.528	276.230.267
- Thuế TNCN	480.936.876	131.855.600	49.762.358	563.030.118
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	31.201.000	869.813.993	391.187.000	509.827.993
- Các khoản phí, lệ phí	5.299.603.226	3.000.000	5.875.964	5.296.727.262
Cộng	6.683.816.293	6.249.862.379	5.696.733.789	7.236.944.883

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

5.13. Phải trả người bán

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đăng Hân	1.851.707.000	1.851.707.000	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Trọng Hiếu	2.158.046.000	2.158.046.000	1.504.151.000	1.504.151.000
Phải trả cho các đối tượng khác	4.372.535.646	4.372.535.646	13.703.071.803	13.703.071.803
Cộng	8.382.288.646	8.382.288.646	15.207.222.803	15.207.222.803

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí lãi vay dự trả	6.443.929.774	4.689.898.977
Các khoản trích trước khác	2.614.406.203	1.410.649.682
Cộng	9.058.335.977	6.100.548.659

5.15. Phải trả khác

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Ngắn hạn	12.901.490.449	14.777.837.578
- Kinh phí công đoàn	168.022.940	193.678.067
- Bảo hiểm xã hội	26.138.939	78.142.721
- Bảo hiểm y tế	-	8.529.096
- Bảo hiểm thất nghiệp	66.340	3.857.044
- Phải trả, phải nộp khác	11.166.358.994	12.849.578.060
+ Công ty CP Dịch vụ và Vận tải Biển Vũng Tàu	4.517.910.860	4.374.631.282
+ Các khoản trả khác	6.648.448.134	8.474.946.778
- Phải thu khác (dư có)	-	900.736.690
- Nhận ký quỹ, ký cược	1.540.903.236	743.315.900
b) Dài hạn	6.771.281.299	6.718.815.451
- Phải trả dài hạn khác	6.486.228.115	5.891.228.115
+ Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO	4.230.000.000	4.230.000.000
+ Xí nghiệp Mol Phía Bắc	1.371.639.899	1.371.639.899
+ Phải trả dài hạn khác	884.588.216	289.588.216
- Nhận ký quỹ, ký cược	285.053.184	827.587.336
Cộng	19.672.771.748	21.496.653.029

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09- DN

5.16. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2019		Trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (1)	42.577.870.831	42.577.870.831	9.994.204.366	-	32.583.666.465	32.583.666.465
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (2)	39.413.693.172	39.413.693.172	8.384.003.232	-	31.029.689.940	31.029.689.940
Cộng	81.991.564.003	81.991.564.003	18.378.207.598	-	63.613.356.405	63.613.356.405
b) Dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (1)	19.755.055.356	19.755.055.356	-	9.753.846.038	29.508.901.394	29.508.901.394
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (2)	8.263.887.370	8.263.887.370	-	8.200.156.521	16.464.043.891	16.464.043.891
Cộng	28.018.942.726	28.018.942.726	-	17.954.002.559	45.972.945.285	45.972.945.285

(1): Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 20/2011/HĐTDDH/PGB-HO ngày 09/06/2011 và theo công văn điều chỉnh lãi suất số 250-2013/CV-PGB ngày 12/11/2013. Tổng số tiền vay là 7.125.000 USD, thời hạn vay 10 năm, lãi suất vay được điều chỉnh theo từng đợt thông báo của Ngân hàng, lãi suất quá hạn không quá 150% lãi suất cho vay áp dụng đến ngày đến hạn. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư mua tàu chở hàng trọng tải 14.187 DWT (Tàu Blue Lotus), khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(2): Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 20/2010/HĐTDDH/PGB-HO ngày 05/10/2010 và theo công văn điều chỉnh lãi suất số 250-2013/CV-PGB ngày 12/11/2013. Tổng số tiền vay là 5.557.500 USD, thời hạn vay 10 năm, lãi suất vay được điều chỉnh theo từng đợt thông báo của Ngân hàng, lãi suất quá hạn không quá 150% lãi suất cho vay áp dụng đến ngày đến hạn. Mục đích sử dụng vốn vay để đầu tư mua tàu chở hàng trọng tải 8.934 DWT (Tàu Thăng Long), khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Các khoản vay ngắn hạn đang trong quá trình cơ cấu lại lịch trả nợ với Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – CN Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09- DN

5.17. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích có đồng không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2018	150.000.000.000	34.325.348.686	3.410.429.248	92.324.924.230	1.993.156.260	282.053.858.424
Vốn góp tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	(51.231.257.710)	221.413.900	(51.009.843.810)
Tăng khác	-	941.979.523	-	8.317.737	362.280	950.659.540
Giảm khác	-	-	-	(21.030.966.427)	(127.645.052)	(21.158.611.479)
Số dư tại ngày 31/12/2018	150.000.000.000	35.267.328.209	3.410.429.248	20.071.017.830	2.087.287.388	210.836.062.675
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	(1.279.736.221)	114.241.994	(1.165.494.227)
Giảm khác	-	-	-	(82.636.000)	(4.964.000)	(87.600.000)
Số dư tại ngày 30/06/2019	150.000.000.000	35.267.328.209	3.410.429.248	18.708.645.609	2.196.565.382	209.582.968.448

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

5.17. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**b) Chi tiết vốn của Chủ sở hữu**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND	Tỷ lệ %
Chi tiết các cổ đông			
Bà Dương Thị Huệ	28.576.000.000	28.576.000.000	19,05
Bà Vũ Thị Hạnh	25.038.190.000	25.038.190.000	16,69
Bà Đỗ Thị Huyền Thanh	20.865.160.000	20.865.160.000	13,91
Các cổ đông khác	75.520.650.000	75.520.650.000	50,35
Cộng	150.000.000.000	150.000.000.000	100

c) Các giao dịch về Vốn chủ sở hữu

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2019 Cổ phần	01/01/2019 Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

e) Các quỹ của Doanh Nghiệp

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	35.267.328.209	35.267.328.209
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.410.429.248	3.410.429.248
Cộng	38.677.757.457	38.677.757.457

5.18. CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	90.765.527.365	109.160.293.800
- Doanh thu dịch vụ vận tải biển	41.384.843.476	61.591.732.397
- Doanh thu dịch vụ giao nhận vận tải	29.993.982.006	29.412.806.854
- Doanh thu cung cấp dịch vụ kinh doanh kho bãi	13.408.266.635	11.366.041.833
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	5.978.435.248	6.789.712.716
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	90.765.527.365	109.160.293.800

6.2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
- Giá vốn dịch vụ vận tải biển	45.046.962.958	62.488.829.219
- Giá vốn dịch vụ giao nhận vận tải	28.752.115.381	27.642.276.182
- Giá vốn cung cấp dịch vụ kinh doanh kho bãi	10.516.442.174	8.532.077.120
- Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	4.060.241.320	4.280.990.579
Cộng	88.375.761.833	102.944.173.100

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.055.233.961	1.837.353.718
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.390.823.676	7.009.652.226
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	52.181.228	64.645.403
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	62.819.030	103.680.728
Doanh thu tài chính khác	329.000	-
Cộng	8.561.386.895	9.015.332.075

6.4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lãi tiền vay	1.758.101.844	2.761.267.242
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	20.734.258	63.392.778
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	538.162.338	1.609.797.245
Chi phí tài chính khác	1	13
Cộng	2.316.998.441	4.434.457.278

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUẾ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	3.658.376.010	2.569.577.106
Chi phí khấu hao tài sản cố định	237.607.252	492.675.683
Chi phí nguyên vật liệu	146.876.477	51.619.363
Thuế, phí, lệ phí	502.853.307	447.722.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.210.911.454	563.251.047
Chi phí bằng tiền khác	1.728.579.130	2.540.407.032
Chi phí dự phòng	-	(2.482.923.894)
Cộng	7.485.203.630	4.182.328.601

6.6. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
- Các khoản khác	594.169.000	242.818.348
Cộng	594.169.000	242.818.348

6.7. Chi phí khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
- Các khoản khác	301.810.891	123.677.723
Cộng	301.810.891	123.677.723

6.8. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty con	774.168.161	437.763.878
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	774.168.161	437.763.878

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nguyên liệu vật liệu	11.646.870.545	16.344.557.952
Chi phí nhân công	14.525.748.245	12.828.719.906
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.328.211.962	23.918.632.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.270.534.742	47.616.458.676
Chi phí bằng tiền khác	3.089.599.969	6.418.933.019
Cộng	95.860.965.463	107.127.301.701

6.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lợi nhuận/(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.279.736.221)	1.669.348.099
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(85,32)	111,29

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu nước ngoài và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có thể có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch phải thu, thu nợ, vay, trả nợ gốc vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty nắm giữ cổ phiếu của các công ty con có cùng các rủi ro như Công ty. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn nên Công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

7.1 Công cụ tài chính (tiếp theo)

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

7.1 Công cụ tài chính (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tại 30/06/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.214.122.840	-	37.214.122.840
Phải thu khách hàng	11.423.192.843	-	11.423.192.843
Phải thu về cho vay	6.911.251.142	-	6.911.251.142
Đầu tư	-	73.265.175.360	73.265.175.360
Phải thu khác	26.421.138.117	643.876.520	27.065.014.637
Cộng	81.969.704.942	73.909.051.880	155.878.756.822
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.365.994.972)	-	(1.365.994.972)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	80.603.709.970	73.909.051.880	154.512.761.850
Tại 30/06/2019			
Phải trả người bán	8.382.288.646	-	8.382.288.646
Phải trả khác	12.901.490.449	6.771.281.299	19.672.771.748
Chi phí phải trả	9.058.335.977	-	9.058.335.977
Các khoản vay và nợ	81.991.564.003	28.018.942.726	110.010.506.729
Tổng cộng	112.333.679.075	34.790.224.025	147.123.903.100
Chênh lệch thanh khoản thuần	(31.729.969.105)	39.118.827.855	7.388.858.750
	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.325.030.592	-	32.325.030.592
Phải thu khách hàng	12.255.829.085	-	12.255.829.085
Phải thu về cho vay	6.911.251.142	-	6.911.251.142
Đầu tư	-	76.548.534.811	76.548.534.811
Phải thu khác	27.234.990.904	717.083.957	27.952.074.861
Cộng	78.727.101.723	77.265.618.768	155.992.720.491
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.365.994.972)	-	(1.365.994.972)
Tổng cộng	77.361.106.751	77.265.618.768	154.626.725.519
Tại 01/01/2019			
Phải trả người bán	15.207.222.803	-	15.207.222.803
Phải trả khác	14.777.837.578	6.718.815.451	21.496.653.029
Chi phí phải trả	6.100.548.659	285.053.184	6.385.601.843
Các khoản vay và nợ	63.613.356.405	45.972.945.285	109.586.301.690
Tổng cộng	99.698.965.445	52.976.813.920	152.675.779.365
Chênh lệch thanh khoản thuần	(22.337.858.694)	24.288.804.848	1.950.946.154

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B09a- HN/DN

7.1 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.200.000.000	11.500.000.000	15.200.000.000	11.500.000.000
Các khoản phải thu về cho vay	6.911.251.142	6.911.251.142	6.911.251.142	6.911.251.142
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.122.212.508	38.841.908.974	37.122.212.508	38.841.908.974
Tài sản tài chính khác	42.376.412.516	37.841.401.367	42.376.412.516	37.841.401.367
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	73.265.175.360	76.548.534.811	(*)	(*)
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.214.122.840	32.325.030.592	37.214.122.840	32.325.030.592
Cộng	212.089.174.366	203.968.126.886	(*)	(*)
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	8.382.288.646	15.207.222.803	8.382.288.646	15.207.222.803
Phải trả khác	19.672.771.748	21.496.653.029	19.672.771.748	21.496.653.029
Các khoản vay và nợ	110.010.506.729	109.586.301.690	110.010.506.729	109.586.301.690
Cộng	138.065.567.123	146.290.177.522	138.065.567.123	146.290.177.522

(*) Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2019 và ngày 01/01/2019. Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUẾ TÀI

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a- HN/DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

7.2 Báo cáo bộ phận**7.2.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

	Hoạt động vận tài biến		Hoạt động giao nhận vận tài		Hoạt động kinh doanh kho bãi		Hoạt động kinh doanh khác		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Kỳ này										
Doanh thu bán hàng	41.384.843.476	29.993.982.006	13.408.266.635	5.978.435.248	-	-	-	-	90.765.527.365	
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Giá vốn hàng bán	45.046.962.958	28.752.115.381	10.516.442.174	4.060.241.320	-	-	-	-	88.375.761.833	
Lợi nhuận gộp	(3.662.119.482)	1.241.866.625	2.891.824.461	1.918.193.928	-	-	-	-	2.389.765.532	
Tổng giá trị tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-	195.203.915.376	
Nợ phải trả	-	-	-	-	-	-	-	-	158.741.641.786	
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	-	-	-	-	29.138.402.306	
Tổng giá trị các khoản chi phí không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí dài hạn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ THUẾ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B09a- HN/DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

7.2.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Kỳ trước	Hoạt động vận	Hoạt động giao	Hoạt động kinh	Hoạt động kinh	Tổng cộng
	tài biến	nhận vận tài	doanh kho bãi	doanh khác	
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng	61.591.732.397	29.412.806.854	11.366.041.833	6.789.712.716	109.160.293.800
Giá vốn hàng bán	62.488.829.219	27.642.276.182	8.532.077.120	4.280.990.579	102.944.173.100
Lợi nhuận gộp	(897.096.822)	1.770.530.672	2.833.964.713	2.508.722.137	6.216.120.700
Tổng giá trị tài sản	-	-	-	-	479.883.658.270
Nợ phải trả	-	-	-	-	215.965.226.177
Tổng chi phí đã phát sinh trong niên độ để mua tài sản dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một niên độ (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình)	-	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	42.024.353.187
Tổng giá trị các khoản chi phí không bằng tiền, ngoại trừ chi phí khấu hao TSCĐ và	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

7.2.2 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại thị trường trong nước và thị trường nước ngoài. Chi tiết kết quả kinh doanh theo từng khu vực như sau:

Kỳ này	Trong nước VND	Ngoài nước VND	Tổng cộng VND
Doanh thu	49.380.683.889	41.384.843.476	90.765.527.365
Giá vốn hàng bán	43.328.798.875	45.046.962.958	88.375.761.833
Lợi nhuận gộp	6.051.885.014	(3.662.119.482)	2.389.765.532

Kỳ trước	Trong nước VND	Ngoài nước VND	Tổng cộng VND
Doanh thu	47.568.561.403	61.591.732.397	109.160.293.800
Giá vốn hàng bán	40.455.343.881	62.488.829.219	102.944.173.100
Lợi nhuận gộp	7.113.217.522	(897.096.822)	6.216.120.700

7.3 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

7.4 Thông tin về các bên có liên quan

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty TNHH HEUNG-A SHIPPING Việt Nam
Công ty TNHH Hankyu Hanshin Express Việt Nam
Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht
Công ty CP Unithai Maruzen Logistics Việt Nam
Khúc Thị Quỳnh Lâm
Nguyễn Năng Tuyến
Đào Nguyên Đăng
Trần Bình Phú
Lê Văn Thành
Nguyễn Thành Luyện

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty liên kết gián tiếp
Công ty liên kết
Công ty liên kết gián tiếp
Chủ tịch HĐQT
UV.HQQT
UV.HQQT, KTT
Tổng giám đốc
Phó TGD
Phó TGD

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Trong năm có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Đối tượng	Nội dung VND	Số tiền VND
- Công ty TNHH Hankyu Hanshin Express Việt Nam	Thu tiền cổ tức	6.547.073.676
	Phí khai thác hàng	20.654.000
- Công ty Liên doanh TNHH Dimerco Vietfracht	Phí khai thác hàng lẻ	9.828.000
- Công ty TNHH HEUNG-A SHIPPING Việt Nam	Xuất kho quà tặng đối tác Liên doanh	2.500.000
- Công ty CP Unithai Maruzen Logistics Việt Nam	Thu phí làm hàng	501.822.432
	Thu từ cung cấp dịch vụ	18.996.969
	Bù trừ công nợ	49.705.725
	Phải trả chi phí làm hàng	56.307.383

Thu nhập của Ban lãnh đạo được hưởng trong kỳ tài chính:

Họ tên	Chức vụ	Năm nay VND
Khúc Thị Quỳnh Lâm	Chủ tịch HĐQT	60.210.000
Nguyễn Năng Tuyển	UV.HĐQT	61.560.000
Đào Nguyên Đăng	UV.HĐQT, KTT	153.180.000
Trần Bình Phú	Tổng giám đốc	189.145.167
Lê Văn Thành	Phó TGĐ	115.320.000
Nguyễn Thành Luyện	Phó TGĐ	90.542.046
Tổng cộng		669.957.213

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính từ 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán và soát xét.

7.6 Tính hoạt động liên tục của Công ty

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THUÊ TÀU

Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

7.7 Thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lương Thị Hà

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đào Nguyên Đặng

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Bình Phú